TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Trung Quốc**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**
Thời gian đào tạo: **4 năm**
Văn bằng: **Cử nhân**
Khóa đào tạo: **Khóa 21 (2025 - 2029)**
Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **126**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 16 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			
CB70107	Hiểu biết về DNTU *	1	15	15	0
TN70020	Nhập môn AI *	1	15	15	0
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
TQ70001	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung quốc	1	15	15	0
DP70003	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	30	0
DP70004	Tiếng Việt thực hành	2	30	30	0
TQ70033	Ngữ âm thực hành	2	30	30	0
TQ70002	Tiếng Trung tổng hợp 1	2	30	30	0
TQ70008	Đọc - Viết tiếng Trung 1	3	45	45	0
TQ70014	Nghe - Nói tiếng Trung 1	3	45	45	0
HỌC KỲ 2: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**18**			
CB70101	Triết học Mác – Lênin	3	45	45	0
CB70204	Logic	2	30	30	0

CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
TH70001	Tin học 1	2	45	15	30
DP70002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	30	0
TQ70003	Tiếng Trung tổng hợp 2	2	30	30	0
TQ70009	Đọc - Viết tiếng Trung 2	3	45	45	0
TQ70015	Nghe - Nói tiếng Trung 2	3	45	45	0
TA71305	Tiếng Anh tăng cường 1 *	4	60	60	0
CB70411	Bơi lội *	1	30	0	30
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 *	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 *	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 *	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 *	2	60	0	60
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)		**2**			
TQ71002	Địa lý dân cư Trung Quốc	2	30	30	0
TQ71003	Dân tộc và văn hóa Trung Quốc	2	30	30	0
Học phần tự chọn thể chất (chọn 2 trong 8 môn) *		**2**			
CB71412	Bóng đá *	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền *	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông *	1	30	0	30
CB71410	Pickleball *	1	30	0	30
CB71413	Fitness *	1	30	0	30
CB71406	Dancesport *	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ *	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật *	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 17, tự chọn: 4).					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**17**			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng quan hệ	2	30	30	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
TQ70028	Tiếng Trung tổng hợp 3	3	45	45	0

TQ70010	Đọc - Viết tiếng Trung 3	3	45	45	0
TQ70016	Nghe - Nói tiếng Trung 3	3	45	45	0
TA71306	Tiếng Anh tăng cường 2 *	4	60	60	0
Tự chọn KHXH và nhân văn (chọn 1 trong 2 môn)		**2**			
CB71101	Môi trường & phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
Tự chọn cơ sở ngành (chọn 1 trong 2 môn)		**2**			
DP70005	Lịch sử tư tưởng phương Đông	2	30	30	0
TQ71001	Chính sách đối ngoại Trung Quốc	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 5).					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Số tiết lý thuyết**	**Số tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
TQ70011	Đọc - Viết tiếng Trung 4	3	45	45	0
TQ70017	Nghe - Nói tiếng Trung 4	3	45	45	0
TA70307	Tiếng Anh tăng cường 3	4	60	60	0
Tự chọn KHXH và nhân văn (chọn 1 trong 3 môn)		**2**			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71105	Văn hóa và âm nhạc dân tộc Việt Nam	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
Tự chọn chuyên ngành (chọn 1 trong 2 môn)		**3**			
TQ71019	Tiếng Trung du lịch – nhà hàng – khách sạn	3	45	45	0
TQ71020	Tiếng Trung thương mại – văn phòng	3	45	45	0
HỌC KỲ 5: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 3).					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Số tiết lý thuyết**	**Số tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0

TQ70037	Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại	2	30	30	0
TQ70029	Tiếng Trung tổng hợp 4	3	45	45	0
TQ70012	Đọc - Viết tiếng Trung 5	3	45	45	0
TQ70018	Nghe - Nói tiếng Trung 5	3	45	45	0
TA70308	Tiếng Anh tăng cường 4	4	60	60	0
Tự chọn chuyên ngành (chọn 1 trong 2 môn)		**3**			
LH71017	Nghiệp vụ hướng dẫn	3	90	0	90
QT71048	Quản trị Marketing	3	45	45	0
HỌC KỲ 6: 16 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 10, tự chọn: 6).					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Số tiết lý thuyết**	**Số tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**10**			
CB70308	Kỹ năng tư duy phản biện	2	30	30	0
TQ70034	Văn học Trung Quốc	2	30	30	0
TQ70035	Biên dịch	3	45	45	0
TQ70036	Phiên dịch	3	45	45	0
Tự chọn chuyên ngành (chọn 2 trong 4 môn)		**6**			
LH71016	Tổ chức sự kiện	3	60	30	30
LH71018	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	45	45	0
QT71047	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	45	0
QT71012	Nghiệp vụ ngoại thương	3	45	45	0
HỌC KỲ 7: 4 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 0).					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Số tiết lý thuyết**	**Số tiết thực hành**
Thực tập tốt nghiệp		**4**			
TQ70024	Thực tập tốt nghiệp	4	120	0	120
HỌC KỲ 8: 6 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 0, tự chọn: 6). Chọn 1 trong 2 phương án.					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Số tiết lý thuyết**	**Số tiết thực hành**
Phương án 1: Khóa luận tốt nghiệp		**6**			
TQ71013	Khóa luận tốt nghiệp	6	90	90	0
Phương án 2: Học phần thay thế (học cả 2 môn)		**6**			
TQ71015	Giao thoa văn hóa Trung Quốc	3	45	45	0
TQ71021	Chuyên đề tốt nghiệp	3	45	45	0